

## KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC PHỔ THÔNG CỦA TRUNG QUỐC - BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Những mục tiêu cho thấy nhận thức của các nhà hoạch định chính sách quốc gia đã ngày càng sâu sắc, sự phát triển con người đã ngày càng trở thành hạt nhân của việc xác định mục tiêu.

Chính phủ Trung Quốc rất chú trọng đến sự phát triển con người nên chính sách phát triển giáo dục đã được đặt lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Trung Quốc. Trung Quốc xem mục tiêu giáo dục và mục tiêu chương trình có quan hệ phụ thuộc, có nghĩa là mục tiêu giáo dục chế ước việc xác định mục tiêu chương trình, từ quá trình phát triển của mục tiêu giáo dục có thể thấy được quỹ đạo diễn biến của mục tiêu chương trình. Đồng thời, để thích ứng với yêu cầu thực tế của việc xây dựng kinh tế nông nghiệp và phát triển xã hội nông thôn ở Trung Quốc, đáp ứng nhu cầu phát triển của đại đa số học sinh nông thôn, vừa đặt nền móng cho học sinh học lên, vừa tạo điều kiện cần thiết cho việc tham gia sản xuất nông nghiệp, kinh doanh trong tương lai, cơ quan giáo dục của một số địa phương đã đưa chương trình giáo dục "Chứng chỉ xanh" vào trường sơ trung nông thôn trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Bộ Nông nghiệp Trung Quốc (2001). Thời gian dạy học dành cho chương trình này là khoảng 300 tiết, trong đó 60% dành cho giờ học lí thuyết, 40% dành cho giờ thực tập sản xuất. Cơ quan quản lí giáo dục và cơ quan quản lí nông nghiệp cấp huyện, xã căn cứ thực tế của địa phương xác định 2-3 chuyên ngành giúp học sinh hiểu tương đối hệ thống, nắm được tri thức và kĩ năng cơ bản về quản lí sản xuất và kinh doanh ở một vị trí nào đó. Đây cũng được coi là những môn khoa học cơ bản góp phần hình thành và phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên; trí tò mò khoa học, hứng thú tìm hiểu thế giới tự nhiên; ý thức bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống. Môn học đồng thời góp phần hình thành và phát triển ở học sinh năng lực nhận thức thế giới tự nhiên; năng lực tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên; năng lực vận dụng kiến thức khoa học giải thích các sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống, ứng xử phù hợp bảo vệ sức khỏe của bản thân và những người khác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường xung quanh.

Vì thế Trung Quốc đã nghiên cứu xây dựng chương trình các môn học phổ thông theo cấu trúc sau:

## 1. Cấu trúc văn bản chương trình môn học

Chương trình môn học phải khái quát được những nội dung cơ bản như tính chất của chương trình, quan điểm cơ bản của chương trình và tư tưởng thiết kế chương trình trong phần lời nói đầu của môn học.

Phần tiếp theo trong chương trình môn học là phần mục tiêu và nội dung chương trình. Nội dung của chương trình được chia thành các chủ đề khác nhau theo trình tự logic nhất định xuyên suốt theo mạch nội dung từ đầu đến cuối của môn học.

Phần cuối là phần kiến nghị thực hiện. Phần kiến nghị thực hiện sẽ bao gồm kiến nghị dạy học, kiến nghị đánh giá, kiến nghị biên soạn sách giáo khoa và phần kiến nghị khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên

## 2. Mạch nội dung

Nội dung dạy học trong Chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc được tổ chức theo 3 nguyên tắc chủ yếu:

Thứ nhất, kết hợp logic tri thức và logic nhận thức. Việc tổ chức nội dung dạy học dựa vào đặc trưng lứa tuổi của sự phát triển tư duy của học sinh; từ đơn giản đến phức tạp; từ gần đến xa; từ cụ thể đến trừu tượng; từ kỹ năng đơn giản đến kỹ năng phức tạp; Ôn cũ học mới, học mới ôn cũ.

Thứ hai, tạo sự liên thông, kết nối gắn bó theo chiều dọc và chiều ngang. Xét về chiều dọc, mạch kiến thức phải rõ ràng, ăn khớp trên dưới. Đối với nội dung quan trọng và khó, cần phải củng cố, mở rộng và phát triển tuần tự. Xét về chiều ngang, không những phải chú ý mối liên hệ tương hỗ, gắn bó giữa tri thức cùng tầng bậc của môn học, đồng thời còn phải chú ý mối liên hệ tương hỗ, hoà trộn giữa các môn học gần gũi.

Thứ ba, tối ưu hoá. Đó là tổ chức hợp lý và tối ưu nhất nội dung dạy học, qua đó giúp học sinh trong một thời gian ngắn nhất, có thể thu được hiệu quả học tập tốt nhất.

Dựa vào các nguyên tắc nêu trên, mạch kiến thức của môn học thường được sắp xếp theo lĩnh vực, chủ đề và chuyên đề/môđun nhằm giúp học sinh đi từ hiểu được những tri thức cơ bản, học được một số kỹ năng cơ bản, có thể ứng dụng tri thức đã học

để giải thích một số hiện tượng trong cuộc sống và sản xuất, đồng thời có thể giải quyết một số vấn đề thực tế tương đối đơn giản. Ví dụ, các mạch kiến thức của môn Khoa học trong chương trình giáo dục của trung học sơ cấp được sắp xếp như sau:

### **3. Nội dung chương trình**

#### **3.1. Khoa học sự sống**

Để hình dung mạch kiến thức và nội dung chương trình, có thể tìm hiểu thông qua nội dung của môn Khoa học trong chương trình giáo dục Sơ trung dưới đây:

Khoa học sự sống bố trí năm chủ đề: (1) Cấp độ cấu trúc của hệ thống sự sống; (2) Sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong cơ thể sống; (3) Điều tiết hoạt động sống; (4) Sự kéo dài và tiến hoá của sự sống; (5) Con người, sức khoẻ và môi trường.

- Chủ đề 1. Cấp độ cấu trúc của hệ thống sự sống

Chủ đề này bao gồm ba chuyên đề: (a) Quan sát các sinh vật đa dạng; (b) Tế bào, tổ chức, các cơ quan và hệ thống cấu thành cơ thể sống; (c) Chúng loại, quần thể sinh vật, hệ thống sinh thái và tầng sinh vật.

- Chủ đề 2. Chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tầng sinh vật

Chủ đề này gồm hai chuyên đề: (a) Thực vật có hoa màu xanh lục và (b) Sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong cơ thể người.

- Chủ đề 3. Điều tiết hoạt động sống

Chủ đề này bao gồm các chuyên đề: (a) Hiện tượng cảm ứng của thực vật; (b) Hành vi của động vật; (c) Cấu trúc, chức năng cơ bản của hệ thần kinh; và (d) Hệ thống nội tiết của con người, điều tiết hoạt động sinh lí của cơ thể người...

- Chủ đề 4. Sự tiếp diễn và tiến hoá của sự sống

Chủ đề này gồm bốn chuyên đề: (a) Sự sinh sôi của vi khuẩn và nấm; (b) Sự sinh sản và phát triển của thực vật có hoa màu xanh lục; (c) Sự sinh sản và phát triển của người và động vật; (d) Di truyền và tiến hoá.

- Chủ đề 5. Con người, sức khoẻ và môi trường

Chủ đề này có ba chuyên đề: (a) Bảo vệ sức khoẻ con người; (b) Sức khoẻ và môi trường; (c) Nhân loại và môi trường sinh thái.

### **3.2. Khoa học vật chất**

Khoa học vật chất gồm bốn chủ đề: (1) Vật chất thường gặp; (2) Cấu trúc vật chất; (3) Vận động và tác dụng tương hỗ của vật chất; (4) Năng lượng và nguồn năng lượng.

- Chủ đề 1. Vật chất thường gặp

Chủ đề này có năm chuyên đề: Tính chất của vật chất; Nước; Không khí; Kim loại và Các hợp chất thông thường.

- Chủ đề 2. Cấu trúc vật chất

Chủ đề này bao gồm ba chuyên đề: Vi hạt tạo nên vật chất; Nguyên tố; Phân loại vật chất.

- Chủ đề 3. Sự vận động và tác dụng tương hỗ của vật chất

Chủ đề này bao gồm năm chuyên đề: Phản ứng hoá học thường gặp; Vận động cơ giới và lực; Điện và từ; Sóng; Tuần hoàn nguyên tố và sự chuyển hoá vật chất.

- Chủ đề 4. Năng lượng và nguồn năng lượng

Chủ đề này gồm hai chuyên đề: Sự chuyển hoá và bảo toàn năng lượng; Nguồn năng lượng và xã hội.

### **3.3. Trái Đất và vũ trụ**

Phần Trái Đất và vũ trụ bố trí hai chủ đề: (1) Vị trí Trái Đất trong vũ trụ; và (2) Trái Đất nơi loài người sinh tồn.

- Chủ đề 1. Vị trí của Trái Đất trong vũ trụ

Chủ đề này gồm có ba chuyên đề: Các vì sao; Hệ Mặt Trời và chuyển động của các vì sao; Hệ ngân hà và vũ trụ.

- Chủ đề 2. Trái Đất nơi loài người sinh tồn

Chủ đề này bao gồm năm chuyên đề: Trái Đất; Vận động của vỏ Trái Đất và sự thay đổi địa hình; Thổ nhưỡng; Nước trên Trái Đất; Thời tiết và khí hậu.

### **3.4. Khoa học, kĩ thuật, xã hội, môi trường**

Phần này bố trí bốn chủ đề: (1) Quan hệ giữa khoa học, kĩ thuật, xã hội, môi trường; (2) Lịch sử khoa học kĩ thuật; (3) Thiết kế kĩ thuật; (4) Đề tài đương đại quan



trọng. Những chủ đề này sẽ được hoà trộn với nội dung của các phần khác trong nội dung chương trình trong khi biên soạn SGK và dạy học

- Chủ đề 1. Quan hệ giữa khoa học, kỹ thuật, xã hội, môi trường

Trong khi học chủ đề này, học sinh cần kết hợp ví dụ hiện thực hoặc ví dụ lịch sử để nhận thức mối quan hệ khăng khít giữa khoa học, kỹ thuật, xã hội, môi trường:

- 1) Bước đầu hiểu được sự khác biệt giữa khoa học và kỹ thuật.

- 2) Biết được khoa học có thể thúc đẩy sự phát triển của kỹ thuật, kỹ thuật cũng là chỗ dựa vững chắc cho sự phát triển của khoa học.

- 3) Biết rằng khoa học là sự nghiệp của toàn xã hội, sự phát triển của khoa học cần được sự quan tâm và hỗ trợ về nhiều mặt của xã hội.

- 4) Biết rằng tiến bộ khoa học là động lực chủ yếu thúc đẩy văn minh nhân loại phát triển.

- 5) Biết rằng sáng tạo kỹ thuật là động lực phát triển KT - XH hiện đại.

- 6) Hiểu được tầm quan trọng và biện pháp chủ yếu của bảo vệ môi trường đối với sự phát triển bền vững của xã hội loài người.

- 7) Quan tâm đến ảnh hưởng của sự phát triển khoa học, kỹ thuật và xã hội đối với môi trường.

- Chủ đề 2. Lịch sử khoa học kỹ thuật

Mục tiêu chủ yếu của việc tích hợp nội dung lịch sử khoa học kỹ thuật vào trong chương trình môn Khoa học là giúp học sinh hiểu biết khoa học, nâng cao tổ chất khoa học, đồng thời giới thiệu một số thành tựu khoa học kỹ thuật và phương pháp tư tưởng khoa học thời cổ đại của Trung Quốc từng có địa vị hàng đầu, lâu dài và ảnh hưởng sâu xa trên thế giới cũng như giới thiệu và phân tích thoả đáng hạn chế của khoa học kỹ thuật cổ đại Trung Quốc, làm cho học sinh trong khi được giáo dục về khoa học cũng hiểu biết về khoa học kỹ thuật và văn hoá cổ đại của Trung Quốc.

- Chủ đề 3. Thiết kế kỹ thuật

Kỹ thuật là hoạt động thực tiễn xã hội do con người tiến hành dựa vào tri thức công nghệ, kì vọng kỹ thuật, thiết bị phương tiện, năng lượng và vật liệu.

- Chủ đề 4. Đề tài đương đại quan trọng

Đặc trưng quan trọng của thời đại ngày nay là xã hội hoá khoa học và khoa học hoá xã hội. Đứng trước sự giao lưu và truyền bá sâu rộng khoa học trong xã hội, mọi người cần phải vận dụng tri thức và kỹ năng khoa học để giải quyết vấn đề cụ thể và thoả mãn nhu cầu xã hội. Mỗi khi khoa học kỹ thuật có tiến triển mới đều dẫn đến sự quan tâm rất lớn và sự tranh luận rộng rãi của xã hội, ảnh hưởng to lớn đối với những thay đổi và tiến bộ của xã hội. Đồng thời với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và xã hội, cũng xuất hiện một loạt những vấn đề như môi trường sinh thái xấu đi, tài nguyên cạn kiệt... Giải quyết những vấn đề này, một mặt phải dựa vào sự phát triển hơn nữa của khoa học kỹ thuật, mặt khác, còn phải tiến hành những nghiên cứu đi trước đối với những hiểm hoạ có thể có khi vận dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là phải chú ý đến sự phát triển hài hoà giữa khoa học kỹ thuật và môi trường xã hội. Học sinh trong quá trình học tập toàn bộ chương trình môn Khoa học, cần quan tâm chú ý một số vấn đề đương đại quan trọng, như: vấn đề dân số, tài nguyên, môi trường, phát triển; Thiên tai và biện pháp chủ yếu phòng tránh, giảm thiểu thiên tai; Vai trò của kỹ thuật nông nghiệp hiện đại đối với việc nâng cao sản xuất nông nghiệp; Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại; Phát triển và ứng dụng vật liệu mới; Phát triển và ứng dụng năng lượng mới; Phát triển và ứng dụng kỹ thuật không gian; Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại.

#### **4. Phương pháp dạy học và đánh giá kết quả môn học**

##### **4.1. Về phương pháp dạy học**

Kiến nghị về dạy học là một phần không thể thiếu trong chương trình của các môn học trong trường phổ thông các cấp của Trung Quốc. Tuy nhiên, do sự đa dạng về phương pháp dạy học và ưu điểm, hạn chế của từng phương pháp cụ thể nên chương trình môn học của Trung Quốc chỉ nêu những định hướng có tính nguyên tắc để phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong dạy học của giáo viên, như:

- Tôn trọng quy luật phát triển tâm - sinh lí, chú trọng hướng dẫn học sinh hình thành nhận thức chính thể về tự nhiên và khoa học.

- Nắm chắc mối liên hệ giữa các tri thức có liên quan, thể hiện đầy đủ yêu cầu tích hợp ở giai đoạn giáo dục bắt buộc 9 năm và phân hoá ở giai đoạn cao trung.

- Thực hiện dạy học mở, phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thực tiễn, chú trọng hướng dẫn học sinh lí giải và trải nghiệm thực tế nhằm hình thành thái độ khoa học và quan điểm giá trị đúng đắn trong học tập.

- Tối ưu hoá hình thức tổ chức dạy học, đề xướng đa dạng hoá phương pháp và biện pháp, vận dụng hợp lí các phương thức dạy học để nâng cao hiệu quả dạy học.

- Chú trọng kết hợp chặt chẽ dạy học trên lớp và hoạt động ngoại khoá, phát huy tính tích cực tham gia và sự hợp tác giao lưu của học sinh.

#### 4.2. Về đánh giá

Đánh giá là bộ phận hợp thành hữu cơ trong cấu trúc chương trình, cũng là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, có vai trò hướng dẫn quan trọng và giám sát chất lượng thực hiện chương trình. Mục đích đánh giá không phải là tuyển chọn học sinh có tài năng, mà là thúc đẩy thành công trong học tập của mọi học sinh. Thông qua đánh giá làm cho học sinh xác định rõ mục tiêu học tập quan trọng nhất; tổng kết kết quả học tập của học sinh, làm cho học sinh thấy được tiến bộ và hạn chế của mình, từ đó khuyến khích học sinh và thôi thúc học sinh học tập có hiệu quả hơn; làm cho học sinh cảm nhận được sự quan tâm của giáo viên và cha mẹ đối với tiến bộ của mình; giúp giáo viên và cha mẹ học sinh hiểu được tình hình, quá trình và nhu cầu học tập của học sinh; xác định trình độ học tập của cá thể học sinh, làm căn cứ để phân loại và tuyển chọn; giúp giáo viên phát hiện ưu thế và hạn chế trong dạy học, từ đó cải tiến việc dạy học. Quan điểm phát triển là cốt lõi của việc đánh giá trong chương trình môn học. Trong đánh giá của chương trình "Không có tốt nhất, chỉ có tốt hơn".

Công tác đánh giá đã chuyển từ chú trọng phân biệt và tuyển chọn sang chú trọng chẩn đoán, khích lệ và điều chỉnh, thúc đẩy giao lưu và liên hệ giữa thầy và trò, giữa trò và trò, giúp giáo viên lựa chọn sách lược dạy học thích hợp, kích thích động cơ học tập của học sinh, thúc đẩy học sinh phát triển toàn diện. Đánh giá không chỉ ở chỗ đưa ra nhận định về tình hình nắm tri thức và kĩ năng của học sinh, mà còn ở chỗ đánh giá có tính tổng hợp, tính phát triển đối với sự phát triển năng lực học tập, năng lực sáng tạo, năng lực thực tiễn xã hội và tình cảm, thái độ, quan điểm giá trị của học sinh.

Trong quá trình đánh giá, giáo viên phải coi trọng sự phản hồi kết quả đánh giá đối với học sinh vì sự phản hồi kết quả đánh giá trực tiếp liên quan đến tính hiệu quả của đánh giá và sự phát triển tương lai của học sinh, có ảnh hưởng tích cực đến hành vi của học sinh và việc dạy học. Sự phản hồi đối với kết quả đánh giá học sinh có thể là chính thức, cũng có thể là phi chính thức, có thể là định kì, cũng có thể là không định kì. Khi phản hồi đánh giá, cần nhấn mạnh học sinh thành công về những mặt nào, đạt được kết

quả nào, đồng thời chỉ ra thiếu sót đang tồn tại với tinh thần tôn trọng học sinh, thẳng thắn, công bằng, không có bất kì thiên kiến hoặc phân biệt đối xử nào, tạo cơ hội cho học sinh tự đánh giá và gia đình tham gia đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập trong chương trình môn học của Trung Quốc nhấn mạnh những nguyên tắc đánh giá cơ bản, như:

- Nguyên tắc định hướng. Đánh giá cần lấy chuẩn chương trình làm chỗ dựa cơ bản. Mục tiêu đánh giá phải thống nhất với mục tiêu chương trình; nội dung và phương thức đánh giá phải có lợi cho việc hướng dẫn giáo viên thực hiện giáo dục khoa học với ý nghĩa thực sự, thể hiện chính thể chương trình và đặc điểm nghiên cứu, tăng thêm hiểu biết về khoa học của học sinh, nâng cao tổ chất khoa học của học sinh.

- Nguyên tắc phát triển. Đánh giá phải có lợi cho sự phát triển của học sinh. Thông qua đánh giá phát hiện và phát triển tiềm năng về nhiều mặt của học sinh, giúp học sinh nhận thức bản thân, xây dựng niềm tin. Đánh giá phải có lợi cho việc thúc đẩy giáo viên phát triển chuyên môn, giúp giáo viên nắm được chính xác, toàn diện tình hình học tập của học sinh, suy xét và cải tiến việc dạy học.

- Nguyên tắc khoa học. Công cụ đánh giá phải được thiết kế tỉ mỉ, trình tự đánh giá phải quy phạm, khoa học để bảo đảm sự khách quan, chuẩn xác của thông tin làm chỗ dựa cho đánh giá, bảo đảm tính tin cậy và tính hiệu quả của kết quả đánh giá.

- Nguyên tắc đa nguyên. Phải đa nguyên hoá chủ thể đánh giá, không những phải có đánh giá ngoài, còn phải coi trọng tự đánh giá của học sinh. Phương thức đánh giá phải đa dạng hoá, phải dựa vào mục tiêu và nội dung đánh giá để lựa chọn sử dụng phương thức đánh giá thích hợp.

- Nguyên tắc công bằng. Thiết kế đánh giá phải tính đến tình hình thực tế của học sinh, tránh xảy ra sự sai lệch về kết quả đánh giá do khác biệt về dân tộc, khu vực, phong tục, giới tính...

Trên cơ sở mục đích đánh giá, nguyên tắc đánh giá nêu trên, nội dung chủ yếu trong đánh giá của chương trình môn học tập trung vào:

- Kiểm tra sự thông hiểu về khái niệm, nguyên lí và phương pháp của môn học và sự lí giải, vận dụng của học sinh đối với tri thức và kĩ năng trọng điểm.



- Năng lực quan sát, năng lực suy lí, năng lực phân tích, năng lực phán đoán và năng lực hợp tác của học sinh thể hiện trong quá trình học tập đạt được tri thức, kĩ năng và đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp tri thức và phương pháp về các mặt để giải quyết sáng tạo vấn đề.

- Tình cảm, thái độ, quan điểm giá trị và xu hướng biến đổi của tình cảm và thái độ của học sinh.

Mục đích căn bản của đánh giá trình độ học tập là thúc đẩy học sinh phát triển, về tổng thể đánh giá bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc, đánh giá định tính và đánh giá định lượng. Mỗi loại hình đánh giá đó lại bao gồm nhiều phương pháp đánh giá cụ thể tùy thuộc vào đặc trưng, tính chất của môn học. Giáo viên cần phải xuất phát từ thực tế của địa phương và của học sinh để vận dụng linh hoạt phương pháp đánh giá có hiệu quả, phù hợp hơn nữa với việc dạy học của mình và chú ý kết hợp chính thể, hữu cơ, vận dụng tổng hợp các phương pháp đánh giá. Một số phương pháp đánh giá thường được giới thiệu trong các chương trình môn học phổ thông Trung Quốc là:

1) Trắc nghiệm viết. Đây là đánh giá về mặt hiểu, lí giải và vận dụng tri thức của học sinh. Loại đánh giá này có thể nhanh chóng phát hiện thiếu sót và sai lầm của học sinh trong học tập, là phương thức đánh giá có tính thao tác khá mạnh.

2) Đánh giá hoạt động chủ đề. Tập trung vào vấn đề trong cuộc sống chân thực hoặc chủ đề có liên quan tới nội dung dạy học, thông qua phương pháp cho học sinh thiết kế phương án nghiên cứu, tiến hành điều tra có liên quan để đánh giá. Phương pháp đánh giá này có tác dụng điều chỉnh trạng thái học tập, kích thích nhiệt tình học tập của học sinh.

3) Giáo viên quan sát. Trong quá trình học sinh đôi mặt hoặc giải quyết vấn đề nào đó, giáo viên thông qua quan sát các biểu hiện của học sinh, ghi chép quá trình và kết quả học tập của học sinh. Ghi chép này là căn cứ để giáo viên kịp thời hiểu được tình hình học sinh, điều chỉnh dạy học, cũng là tham chiếu để đánh giá khá toàn diện tình hình học tập của học sinh.

4) Học sinh tự đánh giá. Học sinh đánh giá thái độ, sách lược và hiệu quả học tập của mình có tác dụng giúp học sinh tự tìm thấy những nhân tố ảnh hưởng đến việc học tập, bồi dưỡng năng lực tự điều chỉnh hoạt động học tập.

5) Hợp tác đánh giá. Giữa học sinh, có thể tiến hành đánh giá lẫn nhau dựa vào kinh nghiệm học tập của mình. Đánh giá này có tác dụng giúp học sinh tiếp xúc với phương pháp tư duy và quan điểm khác nhau, từng bước bồi dưỡng thái độ và năng lực tôn trọng, hiểu và lắng nghe người khác.

6) Phân tích trường hợp (case study). Giáo viên tiến hành đánh giá tình hình học tập đặc thù của một học sinh nào đó. Thông qua đánh giá này, giúp giáo viên dạy học phù hợp với đối tượng cụ thể, thúc đẩy sự tiến bộ của từng học sinh.

7) Gói hồ sơ học tập và trưởng thành. Giáo viên thu thập có mục đích, có hệ thống các kết quả học tập có tính đại diện dưới các hình thái trong một khoảng thời gian nhất định. Gói hồ sơ này có thể phản ánh quá trình trưởng thành của học sinh, có tác dụng đối với việc kiểm tra đánh giá tổng hợp, ổn định và lâu dài quá trình học tập.

8) Đánh giá hoạt động thực tiễn: hoạt động thực tiễn bao gồm nghiên cứu, thực nghiệm, điều tra, chế tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu thảo luận vấn đề, diễn giảng, biểu diễn, đóng vai... Thông qua quan sát, ghi chép và phân tích ý thức tham gia, tinh thần hợp tác, giao lưu biểu đạt, thao tác thực nghiệm trong quá trình hoạt động của học sinh để phân tích, đánh giá kết quả hoạt động thực tiễn của học sinh. Chủ thể đánh giá hoạt động thực tiễn phải thể hiện sự đa nguyên hoá, đề xướng áp dụng hình thức tổ chức theo cá nhân, nhóm và lớp. Đánh giá hoạt động thực tiễn vừa có thể tiến hành trong quá trình học tập, vừa có thể tiến hành khi kết thúc học tập.

## **5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

### **5.1. Ưu điểm**

- Quá trình cải cách Chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc được tiến hành trên nền tảng triết lý và tư tưởng, quan điểm chỉ đạo rõ ràng nhất quán và được đảm bảo bằng hệ thống văn bản pháp luật và những chế độ, chính sách có liên quan.

- Việc xây dựng chương trình đã quán triệt tư tưởng "lấy con người làm gốc", phù hợp với tinh thần thời đại và yêu cầu giáo dục chất lượng. Mục tiêu, nội dung, cấu trúc chương trình của từng giai đoạn giáo dục bám sát đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh phổ thông, phản ánh được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng của xã hội, cộng đồng và nhu cầu phát triển cá thể của học sinh.

- Nội dung giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức được coi trọng trong toàn bộ các cấp học phổ thông; Yêu cầu hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực riêng của học sinh cũng như yêu cầu tích hợp và phân hoá nội dung dạy học được quán triệt trong việc xây dựng và bố trí các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc và tự chọn. Hoạt động thực tiễn được coi trọng, trở thành con đường giáo dục, bồi dưỡng tinh thần sáng tạo và năng lực thực tiễn của học sinh. Đặc biệt là sự nỗ lực triển khai cải cách chế độ thi, kiểm tra đánh giá, hình thành hệ thống kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu giáo dục chất lượng, từng bước khắc phục khuynh hướng tiêu cực của giáo dục chạy theo thành tích thi cử (giáo dục ứng thí).

- Cách thức xây dựng chương trình đã chú ý kế thừa và phát triển thành tựu đã đạt được trong lĩnh vực xây dựng chương trình của Trung Quốc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc, cập nhật những xu hướng phát triển chương trình hiện đại, tiên tiến của các nước phát triển trên thế giới. Đặc biệt là việc xây dựng Chuẩn chương trình của các môn học và hoạt động giáo dục được coi trọng, nhờ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc biên soạn và quản lý chất lượng của các bộ sách giáo khoa và học liệu kèm theo.

- Quá trình cải cách chương trình diễn ra một cách thận trọng, không vội vã và được thực hiện qua các bước thử nghiệm, đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi triển khai diện rộng; huy động được đông đảo các nhà khoa học, sư phạm, giáo viên giỏi tham gia trong môi trường xây dựng chương trình dân chủ, khoa học.

- Coi xây dựng đội ngũ giáo viên là yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy cải cách chương trình, đồng thời kiên trì chủ trương phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên trong quá trình cải cách chương trình. Từ nhà nước đến các địa phương, trường học đều coi việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên là nhiệm vụ trọng tâm. Tất cả giáo viên phổ thông tham gia thực hiện chương trình mới đều được bồi dưỡng ở các cấp độ khác nhau với các hình thức, chuyên đề nội dung khác nhau và được khuyến khích chủ động, sáng tạo đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tế gặp phải trong thực tiễn cải cách và công tác giáo dục, dạy học. Nhờ đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực về quan điểm giáo dục, dạy học và nâng cao được năng lực và trình độ, thích ứng với chương trình mới của đông đảo giáo viên.

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền đối với việc xây dựng chế độ, chính sách, chỉ đạo, quản lý thống nhất quá trình cải cách, thực hiện chương trình mới. Thực hiện phân cấp quản lý chương trình theo ba cấp: Nhà nước, địa phương và trường

học, nhờ đó vừa đảm bảo sự quản lý thống nhất của trung ương vừa phát huy sự tự chủ, năng động, sáng tạo của địa phương, trường học, phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng vùng miền và cơ sở giáo dục. Trong những điều kiện cụ thể, mạnh dạn tạo cơ sở pháp lý cho những thành phố lớn, địa phương có nền kinh tế phát triển, có điều kiện thuận lợi đi trước trong việc xây dựng chương trình đặc thù của mình để rút kinh nghiệm cho cả nước.

## 5.2. Hạn chế

Mặc dù cải cách Chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng, thu được nhiều kinh nghiệm tốt trong những năm qua, nhưng xét từ hiện trạng, việc tiếp tục cải cách chương trình theo chiều sâu và có hiệu quả vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thách thức. Đó là:

- Nhận thức chưa đầy đủ của một số lãnh đạo chủ chốt của cơ quan quản lý giáo dục về tầm quan trọng của cải cách chương trình. Điều này thể hiện ở chỗ chưa thấy hết tính cấp thiết và tầm quan trọng của cải cách chương trình, chưa hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ cải cách chương trình, chưa chú trọng giáo dục chất lượng... Vì thế cải cách chương trình ở một số địa phương chưa đi vào thực chất, còn hời hợt, hình thức.

- Nghiên cứu lí luận cơ bản về cải cách chương trình còn chậm trễ, nghiên cứu thực tế về giáo dục phổ thông chưa đầy đủ. Để xây dựng chương trình các môn học tuy có tiến hành một số điều tra, nghiên cứu chuyên đề những chủ yếu vẫn dựa vào cách làm truyền thống và kinh nghiệm. Do thời gian cấp bách và không đủ kinh phí nên kết quả nghiên cứu chưa đủ để làm chỗ dựa chắc chắn cho việc thực hiện Chương trình giáo dục quốc gia chất lượng cao. Bên cạnh đó, do thiếu nghiên cứu những vấn đề thực tế dựa trên cơ sở tình hình đất nước, trong khi đó sách báo, tài liệu nước ngoài đưa vào trong nước quá nhiều nên hiệu quả hướng dẫn giáo viên thực hiện chương trình mới và định hướng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chưa cao.

- Việc thực thi chương trình mới ở cấp độ trường học, đặc biệt ở nông thôn, còn rất khó khăn bởi vì cải cách chương trình lần này diễn ra ở mọi phương diện, từ quan điểm, mục tiêu, cấu trúc, đến nội dung, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý chương trình. Tính hệ thống và độ phức tạp đã tạo nên những khó khăn, thách thức không nhỏ đối với đội ngũ giáo viên còn chưa đồng đều về trình độ. Do yêu cầu dạy học tích hợp cao ở giai đoạn giáo dục Tiểu học và kết hợp phân hoá và tích hợp ở giai đoạn sơ trung,



nhiều phương pháp dạy học mới như: dạy học có tính nghiên cứu, còn lạ lẫm nên giáo viên nông thôn chưa thích ứng ngay được.

- Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình như: học liệu, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng nghe nhìn phục vụ việc dạy và học theo chương trình mới còn thiếu nhiều. Cơ chế hỗ trợ giáo viên phát triển năng lực chuyên môn chưa hoàn thiện nên giáo viên thiếu cơ hội, điều kiện thuận lợi để tiếp nhận việc bồi dưỡng, hướng dẫn thường xuyên của chuyên gia.

### **5.3. Bài học kinh nghiệm – vận dụng trong điều kiện thực tế của Việt Nam**

Từ phân tích nêu trên có thể thấy được những điểm có thể nghiên cứu, tham khảo, vận dụng trong điều kiện thực tế của Việt Nam trong điều kiện đổi mới. Thực tế đổi mới và phát triển Chương trình giáo dục phổ thông của nước ta cũng đã trải qua những khó khăn và đạt được những thành tựu quan trọng cũng như đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm quý giá. Chúng ta có thể so sánh, tham khảo, tiếp thu những ưu điểm trong cải cách Chương trình giáo dục phổ thông của Trung Quốc trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương đổi mới chương trình và sách giáo khoa đã được Quốc hội và Chính phủ thông qua, đó là:

- Xác định rõ và quán triệt thống nhất trong các tổ chức đảng, chính quyền các cấp về các quan điểm chỉ đạo cải cách giáo dục nói chung và cải cách Chương trình giáo dục phổ thông nói riêng. Trên cơ sở đó, tăng cường tuyên truyền nhằm tạo được sự đồng thuận về nhận thức và hành động của toàn xã hội.

- Xây dựng, bổ sung và không ngừng hoàn thiện các căn cứ pháp lý trước và trong quá trình đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông.

- Quan tâm đẩy mạnh việc nghiên cứu lý luận cơ bản về chương trình để xác lập những cơ sở khoa học có tính thuyết phục cao cho việc xác định mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của chương trình và đề xuất giải pháp, hình thức tổ chức thực hiện chương trình.

- Xây dựng chuẩn chương trình cho các môn học và hoạt động giáo dục của các cấp học phổ thông làm căn cứ cho việc biên soạn sách giáo khoa và xây dựng học liệu kèm theo sách giáo khoa. Đồng thời xây dựng tiêu chí sách giáo khoa để các địa phương, trường học căn cứ vào đó để lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc điểm thực tế của mình.

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giáo viên và năng lực chỉ đạo, tổ chức, quản lý quá trình triển khai chương trình mới của cán bộ quản lý. Việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý là then chốt, quyết định thành công của đổi mới chương trình và phải được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ trước khi triển khai thí điểm và mở rộng việc thực hiện chương trình mới ở các cấp học, các vùng, miền trên cả nước.

- Thực hiện phân cấp quản lý Chương trình giáo dục phổ thông mạnh mẽ hơn nữa cho địa phương, từng bước khuyến khích và tạo điều kiện cho các trường học xây dựng và triển khai chương trình nhà trường phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng lộ trình, xác định quy mô và lựa chọn địa phương, trường học thực hiện thí điểm Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Đổi mới chế độ và cách thức tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học theo hướng giảm nhẹ áp lực thi cử cho học sinh và tiết kiệm chi phí của xã hội và gia đình học sinh. Về việc này, có thể nghiên cứu và vận dụng hình thức "Hội khảo", tức là thi kết thúc lần lượt các môn học vào các thời điểm khác nhau trong năm học hoặc sau khi kết thúc năm học và cấp chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông khi đạt yêu cầu.



**TTBD ĐBDC**

